

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Bà Lương Thị Anh Đào.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 21-4, 13-5-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Dương Thị B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N vắng mặt có đơn, chị B vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Huỳnh Văn N: Vào năm 2018, anh N và chị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên là Huỳnh Thị T, sinh ngày 18-3-2014 và Huỳnh Văn N1, sinh ngày 09-6-2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng dần về sau cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn N yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị B; Về

con chung: có 02 con chung tên là Huỳnh Thị T, sinh ngày 18-3-2014 và Huỳnh Văn N1, sinh ngày 09-6-2018, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị B: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Huỳnh Văn N có đơn xin vắng mặt; Bị đơn Dương Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh N và chị B sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 10-4-2018 nên hôn nhân của anh N và chị B là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa anh N và chị B có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm không còn nên anh N khởi kiện ly hôn với chị B tại Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Dương Thị B và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn chị Dương Thị B không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Huỳnh Văn N cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của anh Huỳnh Văn N nên yêu cầu của anh Huỳnh Văn N là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh N và chị B đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Văn N đối với chị Dương Thị B.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị B có 02 con chung tên Huỳnh Thị T, sinh ngày 18-3-2014 và Huỳnh Văn N1, sinh ngày 09-6-2018. Nay ly hôn anh N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T và cháu N1 đang sống chung với anh N và cháu T có nguyện vọng sống chung với anh N, do chị B không ý kiến đối với yêu cầu của anh N và hiện tại chị B không có mặt tại phiên tòa, nên xét thấy yêu cầu của anh N phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Huỳnh Thị T, sinh ngày 18-3-2014 và Huỳnh Văn N1, sinh ngày 09-6-2018 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu T). Chị Dương Thị B có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Huỳnh Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Dương Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị Dương Thị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Huỳnh Văn N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Dương Thị B theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy anh Huỳnh Văn N chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0010450 ngày 10-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Huỳnh Văn N đã nộp đủ án phí. Chị Dương Thị B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn N được ly hôn với chị Dương Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị T, sinh ngày 18-3-2014 và Huỳnh Văn N1, sinh ngày 09-6-2018 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu T). Chị Dương Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Huỳnh Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Dương Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị Dương Thị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì anh Huỳnh Văn N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Dương Thị B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Huỳnh Văn N có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0010450 ngày 10-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Huỳnh Văn N đã nộp đủ án phí.

Chị Dương Thị B không phải chịu án phí.

5. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Công Chí;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương